

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 10 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vũ.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:*
Không.

Ngày 25 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST - HNGĐ ngày 05/7/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh C vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021, bản tự khai ngày 05/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/02/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; tháng 01 năm 2018 vợ chồng đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 02/12/2012 và cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 11/3/2015; Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn C nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh C không có mặt tại Tòa án, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh C trình bày: Về hôn nhân anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 06/02/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nay chị T làm đơn ly hôn anh C đồng ý ly hôn với chị T; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 02/12/2012 và Nguyễn Anh T1 sinh ngày 11/3/2015, ly hôn anh C đề nghị được nuôi cháu H, giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn C đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh C không đến để tham gia phiên hòa giải, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 và 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh C.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 vợ chồng đã ly thân. Do hai bên không hợp tính tình dẫn đến cãi cọ xúc phạm nhau, chị T xin ly hôn anh C cũng đồng ý; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 02/12/2012 và Nguyễn Anh T1 sinh ngày 11/3/2015, chị T xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Anh T1 có ghi họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị T, họ tên bố là Nguyễn Văn C; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Anh T1 là con chung của chị T và anh C. Hiện cháu H đã hơn 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng ở với bố, cháu T1 hiện đang ở cùng chị T, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho anh C trực tiếp nuôi

đưỡng, cháu Nguyễn Anh T1 cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 11/3/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 02/12/2012 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000002 ngày 05/7/2021 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi Hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

